

Bản án số: 31/2017/ DS-PT.

Ngày: 21 / 6 / 2017.

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất  
lâm nghiệp và tài sản gắn liền trên đất".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc.

Ông Nguyễn Như Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp, tham gia phiên tòa.

Ngày 21/ 6/ 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2016/TLPT-DS ngày 28/11/2016 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2016/DS-ST ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2017/QĐ-PT ngày 15/5/2017, quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 42/ 2017/QĐ-PT ngày 31/5/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị C, sinh năm 1964 ( Có mặt).

Ông Vi Văn C, sinh năm 1963 (ông Vi Văn C ủy quyền cho bà Tô Thị C).

2. Bị đơn: Ông Vi Văn T1, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1947 (Vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Vi Văn N, sinh năm 1990 ( Có mặt).

3.2. Anh Vi Văn T2, sinh năm 1987, uỷ quyền cho ông Vi Văn T1 (Vắng mặt).

3.3. Anh Vũ Văn N, sinh năm 1977 ( Có mặt).

3.4. Chị Vi Thị T, sinh năm 1976 ( Có mặt).

Đều địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Vũ Văn N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Trọng Nghĩa - Trợ giúp viên pháp lý và ông Dương Minh Kiên - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Anh Vũ Văn N - là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17/11/2015 và những lời khai tiếp theo N đơn bà Tô Thị C, ông Vi Văn C (ông Vi Văn C ủy quyền cho bà Tô Thị C) trình bày: Ngày 30/8/1995 gia đình ông bà được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền quản lý kinh doanh rừng và đất lâm nghiệp (sổ bì xanh) có tổng diện tích là 7ha + 3,8ha thuộc lô 8 và lô 17 khoảng 19 và khoảng 18 tại khu N, thôn N, xã V, huyện S. Gia đình bà vẫn trông coi và quản lý sử dụng đúng mục đích. Ngày 15/12/1999 hộ gia đình bà được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 870831 số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00638 tổng diện tích 88.000m<sup>2</sup> trong đó có 50.000m<sup>2</sup> thuộc khoảnh số 18 lô 17A và 38.000m<sup>2</sup> khoảnh 19 lô 8 mang tên người sử dụng là hộ ông Vi Văn C.

Trước năm 1999 gia đình ông T1, bà H cùng thôn đã phát cây lán chiếm sang đất của gia đình bà với diện tích 1.420m<sup>2</sup> để trồng cây vải thiều và cây Keo, gia đình bà đã yêu cầu chính quyền thôn và xã giải quyết nhưng ông T1 và bà H không trả lại đất. Năm 2011, ông T1 đã khai thác Keo, gia đình bà sang đặt vấn đề đòi ông T1 trả lại đất nhưng ông T1 cố tình không trả. Tháng 8/2012 ông T1 lại tiếp tục trồng cây Keo trên đất lán chiếm của gia đình bà. Bà đã làm đơn gửi UBND xã V giải quyết, khi đó gia đình ông T1 đồng ý trả lại đất cho gia đình bà, nhưng yêu cầu gia đình bà bồi thường cho gia đình ông T1 mỗi cây Keo mới trồng được 1 tháng tuổi với giá là 2.000đ/ 1 cây, gia đình bà chỉ chấp nhận bồi thường 1.000đ/ 1 cây Keo, do vậy việc hòa giải ở xã V là không thành. Nay bà yêu cầu gia đình ông T1 trả gia đình bà 2.959,5m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp đã lán chiếm (theo biên bản thẩm định tại chỗ) tại lô 8 khoảnh 19 khu NP, thôn N, xã V. Gia đình bà đồng ý để cho gia đình ông T1 tiếp tục chăm sóc quản lý số cây Keo trên đất đến hết ngày 20/5/2017 thì thu hoạch và trả lại diện tích đất, còn các cây lâm lộc khác bà đồng ý bồi thường theo giá trị của hội đồng định giá.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà C giữ N yêu cầu trên và trình bày: Nếu gia đình ông T1 không tiếp tục chăm sóc quản lý số cây Keo trên đất đến hết ngày 20/5/2017, thì gia đình bà đồng ý sở H toàn bộ số cây trên đất và bồi thường cho gia đình ông T1 trị giá toàn bộ cây trên đất theo giá của hội đồng định giá.

Bị đơn ông Vi Văn T1, bà Hoàng Thị H trình bày: Năm 1995 nhà nước có giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông bà quản lý đồi núi trọc 2,6ha liền kề với lô đất của bà Tô Thị C, quá trình giao thì các đoàn T1 đã chỉ danh giới giữa 2 gia đình. Đầu năm 1996 gia đình ông bà đã phát cây để trồng vải, đến năm 1997 vợ chồng ông bà cho vợ chồng con gái là Vi Thị T, chồng Vũ Văn N quản lý khu đất này để trồng cây thu hoạch. Đến năm 2007, vợ chồng chị T đã trồng cây Keo trên đất, năm 2013 đã khai thác lúa Keo đầu tiên và tiếp tục trồng lúa Keo thứ 2 đến nay đã được 3 năm. Trong năm 2013 UBND xã V mời gia đình ông lên để giải quyết tranh chấp đất với gia đình bà C, gia đình đồng ý trả đất cho bà C, yêu cầu bà C phải đền bù tiền cây trên đất, nhưng gia đình bà C không đồng ý. Nay ông bà vẫn đồng ý trả đất lại diện tích đất theo đo vẽ thẩm định là 2.959,5m<sup>2</sup> cho gia đình

bà C, nhưng yêu cầu gia đình bà C phải bồi thường toàn bộ cây trên đất cho gia đình ông bà là 30.000.000đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vi Văn N trình bày: Anh hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của bà Tô Thị C, không có ý kiến nào khác.

2. Anh Vũ Văn N, chị Vi Thị T xác nhận 1 phần lời khai của ông T1, bà H và trình bày: Năm 1998 ông T1 có cho vợ chồng anh chị 9.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp để trồng cây (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên ông T1), vợ chồng anh chị đã canh tác ổn định, đến năm 2013 thì xảy ra tranh chấp với gia đình bà Tô Thị C, phần diện tích đất tranh chấp này nằm trong phần diện tích đất vợ chồng anh chị đang canh tác. Trên đất vợ chồng anh chị đã trồng 33 cây Vải Thiều, 454 cây Keo, 1 cây Nhãn, 2 cây Xoan, 25 cây tre Bát Độ. Nay anh chị đồng ý trả đất lại diện tích đất theo đo vẽ thẩm định là 2.959,5m<sup>2</sup> cho gia đình bà C, nhưng yêu cầu gia đình bà C phải bồi thường toàn bộ cây trên đất cho gia đình anh chị là 30.000.000đồng.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2016/DS-ST ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Áp dụng: Điều 35; Điều 147, Điều 227; Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 142 Điều 255; Điều 256; khoản 2 Điều 305; Điều 583 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 5; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Buộc gia đình ông Vi Văn T1, bà Hoàng Thị H và gia đình anh Vũ Văn N, chị Vi Thị T phải trả lại cho gia đình ông Vi Văn C, bà Tô Thị C diện tích đất lâm nghiệp là 2.959,5m<sup>2</sup> trị giá là 7.399.000đồng, tại khoảnh 19 lô 8 khu NP, thôn N, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Có các cạnh như sau: Phía đông giáp nương có chiều dài 50,62m, phía tây giáp đất ông Vi Văn T1 dài 12,55m, phía nam giáp đất ông Vi Văn T1 dài 131,67m, phía bắc giáp đất ông C1 dài 106,76m.(có sơ đồ đo vẽ)

- Giao cho gia đình ông Vi Văn C, bà Tô Thị C được sở H toàn bộ cây lâm nghiệp, cây ăn quả do vợ chồng anh Vũ Văn N và chị Vi Thị T trồng trên đất gồm 454 cây Keo trị giá 13.144.000đồng; 33 cây Vải Thiều trị giá 5.775.000đồng; 01 cây Nhãn trị giá 175.000đồng; 02 cây Xoan trị giá 90.000đồng; 25 cây tre Bát Độ trị giá 375.000đồng; 40 cây tre Dùm trị giá 100.000đồng, tổng giá trị là 19.659000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn).

- Buộc gia đình ông Vi Văn C bà Tô Thị C phải trả cho vợ chồng anh Vũ Văn N và chị Vi Thị T giá trị cây lâm nghiệp, cây ăn quả trị giá là 19.659.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 10/10/2016 anh Vũ Văn N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo, ngày 17/10/2016 anh N nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét tài sản trên diện tích đất tranh chấp tuyên trả anh tổng giá trị 19.659.000đồng là quá thấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tô Thị Công Vi Văn C là N đơn không rút đơn khởi kiện, anh Vũ Văn N không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Luật sư Dương Minh Kiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản Luận cứ gửi Hội đồng xét xử trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật Tố tụng Dân sự xử chấp nhận kháng cáo của anh N sửa bản án sơ thẩm. Buộc bà Công C phải có trách nhiệm thanh toán trả anh N toàn bộ giá trị cây cối lâm lộc có trên diện tích đất tranh chấp trị giá 37.876.000đồng và 5.000.000đồng tiền chi phí định giá lại tài sản. Về án phí: Anh N là hộ nghèo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Tô Thị C là N đơn trình bày: Bà không đồng ý với kết quả định giá lại ngày 12/5/2017, nhưng bà không đề nghị gì. Đối với số cây Keo anh N, chị T trồng trên diện tích đất của bà từ năm 2013 đến nay đã đến kỳ thu hoạch, bà đề nghị buộc anh N, chị T phải thu hoạch để trả lại diện tích đất cho gia đình bà sử dụng, còn những cây cối lâm lộc khác bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu giao cho bà được sở H bà đồng ý trích trả anh N, chị T bằng tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Vũ Văn N, Sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của anh Vũ Văn N đề nghị xem xét phần tài sản trên diện tích đất tranh chấp trả anh tổng giá trị tài sản 19.659.000đồng là quá thấp thì thấy:

Năm 1995 nhà nước có giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Vi Văn T1 quản lý đồi núi trọc 2,6ha liền kề với lô đất của bà Tô Thị Công Vi Văn C, quá trình giao thì các đoàn T1 đã chỉ danh giới giữa 2 gia đình. Do diện tích đất khoảng 19 lô 9 của hộ ông T1 tiếp giáp với diện tích đất khoảng 19 lô 8 của hộ gia đình ông C bà C nên gia đình ông T1 có sử dụng lấn sang diện tích đất lâm nghiệp của gia đình ông C bà C thuộc khoảng 19 lô 8, diện tích là 2.959,5m<sup>2</sup> (trị giá 7.399.000đ). Gia đình ông C, bà C đã khởi kiện và đòi hộ gia đình ông T1, bà H trả diện tích đất tranh chấp theo biên bản thẩm định tại chỗ là 2.959,5m<sup>2</sup>. Quá trình giải quyết vụ án ông T1 thừa nhận do cán bộ giao đất chỉ không rõ nên gia đình ông có trồng cây lấn sang diện tích đất 2.959,5m<sup>2</sup> của hộ gia đình ông C và đồng ý trả lại cho hộ gia đình ông C 2.959,5m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp.

Đầu năm 1996 gia đình ông T1, bà H đã phát cây để trồng Vải, đến năm 1997 vợ chồng ông T1, bà H cho vợ chồng con gái là Vi Thị T, Vũ Văn N quản lý khu đất này để trồng cây thu hoạch. Đến năm 2007, vợ chồng chị T, anh N đã trồng cây Keo trên đất, năm 2013 đã khai thác lứa Keo đầu tiên và tiếp tục trồng lứa Keo thứ 2.

Về cây cối lâm lộc trên đất tranh chấp 2.959,5m<sup>2</sup> vợ chồng anh N, chị T đã trồng trên đất gồm: 454 cây Keo, 33 cây Vải Thiều, 01 cây Nhãn, 02 cây Xoan, 25 cây tre Bát Độ, 40 cây tre Dừng. Tổng trị giá tài sản cây cối lâm lộc theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 17/3/2016 là 19.659.000đồng. Tòa sơ thẩm xét xử đã giao cho gia đình ông Vi Văn C, bà Tô Thị C được sở H toàn bộ cây lâm nghiệp, cây ăn quả do vợ chồng anh Vũ Văn N, chị Vi Thị T trồng trên đất gồm: 454 cây Keo, 33 cây Vải Thiều, 01 cây Nhãn, 02 cây Xoan, 25 cây tre Bát Độ, 40 cây tre Dừng. Nhưng ông C bà C phải trả cho vợ chồng anh Vũ Văn N và chị Vi Thị T giá trị cây lâm nghiệp, cây ăn quả trị giá là 19.659.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N không đồng ý với giá trị tài sản theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 17/3/2016 mà Tòa sơ thẩm căn cứ để giải quyết vụ án, đề nghị định giá lại tài sản. Ngày 25/4/2017, Tòa án ra Quyết định số 08/2017/QĐ-ĐG Quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá. Tại Biên bản định giá tài sản ngày 12/5/2017 Hội đồng định giá tài sản theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc giang đã tiến hành định giá tài sản có liên quan trong vụ án về tranh chấp quyền sử dụng đất Lâm nghiệp, tài sản định giá gồm:

- Keo Hom: 452 cây = 35,7m<sup>3</sup> , 01m<sup>3</sup> =1000kg, giá tại vườn là 680đồng/1kg thành tiền là; 24.276.000đồng.

- 33 cây Vải Thiều + 01 cây Nhãn giá: 350.000đồng/1 cây thành tiền 11.900.000đồng.

- 25 cây tre Bát Độ giá trị 1.500.000đồng.

- 02 cây Xoan giá 100.000đồng/1 cây, thành tiền 200.000đồng.

- 40 cây tre Dừng anh N đã chặt sử dụng các đương sự thoả thuận không định giá.

Tổng tài sản định giá trị giá: 37.876.000đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Hội đồng xét xử thấy: Toàn bộ số cây cối lâm lộc anh N, chị T trồng trên diện tích đất lâm nghiệp của bà C ông C là trái phép. Tại phiên tòa phúc thẩm bà C đồng ý nhận 33 cây Vải, 01 cây Nhãn, 25 cây Tre Bát Độ, 02 cây Xoan tổng trị giá 13.600.000đồng, riêng 452 cây Keo bà C không đồng ý nhận. Xét thấy: Toàn bộ 452 cây Keo anh N, chị T trồng trái phép trên diện tích đất lâm nghiệp thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình bà C, ông C từ năm 2013 đã đến kỳ thu hoạch do vậy cần buộc anh N, chị T phải thu hoạch toàn bộ số cây Keo đã trồng trên đất để trả lại đất cho bà C, ông C sử dụng là có căn cứ. Bà C, ông C được sở H 33 cây Vải, 01 cây Nhãn, 25 cây Tre Bát Độ, 02 cây Xoan do vợ chồng anh N, chị T trồng trên diện tích đất 2.959,5m<sup>2</sup> của bà C, ông C tại khoảnh 19 lô 8 khu Nà Phùng, thôn N, xã V, huyện S nhưng phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh N, chị T tổng trị giá tài sản là: 13.600.000đồng (Mười ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Về chi phí định giá lại tài sản: Số tiền chi phí cho việc định giá hết 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn). Do anh N là người có đơn đề nghị định giá lại tài sản nên anh N phải chịu toàn bộ số tiền đã chi phí cho việc định giá lại tài sản (Xác nhận anh N đã nộp đủ tiền chi phí định giá tài sản).

Về án phí phúc thẩm: Do anh Vũ Văn N thuộc diện hộ nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên anh N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả anh N 200.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015.

Điều 255; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Vũ Văn N. Sửa Bản án sơ thẩm.

1. Giao cho hộ bà Tô Thị C, ông Vi Văn C được sở hữu 33 cây Vải Thiều; 01 cây Nhãn trị giá 11.900.000đồng; 02 cây Xoan trị giá 200.000đồng ; 25 cây tre Bát Độ trị giá 1.500.000đồng. Tổng tài sản trị giá: 13.600.000đồng (Mười ba triệu, sáu trăm nghìn đồng). Do vợ chồng anh N, chị T trồng trái phép trên diện tích 2.959,5m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình bà C, ông C tại khoảnh 19 lô 8 khu NP, thôn N, xã V, huyện S.

Buộc gia đình bà Tô Thị C, ông Vi Văn C phải trả cho vợ chồng anh Vũ Văn N và chị Vi Thị T giá trị cây trên đất. Tổng tài sản trị giá: 13.600.000đồng (Mười ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Buộc anh Vũ Văn N và chị Vi Thị T phải thu hoạch 452 cây Keo Hom trên diện tích 2.959,5m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình bà C, ông C tại khoảnh 19 lô 8 khu NP, thôn N, xã V, huyện S, để trả lại đất cho bà C, ông C sử dụng.

2. Án phí phúc thẩm: Anh Vũ Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh N 200.000đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số AA/2010/ 006705 ngày 17/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

3. Về chi phí Tố tụng: Anh Vũ Văn N phải chịu 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) định giá lại tài sản. Xác nhận anh N đã nộp đủ tiền chi phí định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**Đã ký**

**Nguyễn Gia Lương**